

Số: /BC-UBND

Cảnh Thụy, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả triển khai hỗ trợ sửa theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh, năm học 2025-2026

Thực hiện Công văn số 1406/SGDĐT-GDMN ngày 20/5/2026 của Sở Giáo dục đào tạo về việc hướng dẫn báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ sửa theo Kế hoạch số 33/KH-UBND năm học 2025-2026; UBND phường báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1. Các căn cứ triển khai

Căn cứ Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh (HĐND) tỉnh về việc Quy định hỗ trợ sửa trong các cơ sở giáo dục có trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 20/8/2025 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 31;

Căn cứ hướng dẫn số 1438/SGDĐT-GDMN ngày 03/11/2025 của sở Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ sửa trong các cơ sở giáo dục có trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030;

2. Công tác chỉ đạo và ban hành văn bản

2.1. Công tác ban hành văn bản

UBND phường Cảnh Thụy đã ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 12/11/2025 về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030; Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 của UBND phường Cảnh Thụy về việc toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Thông báo phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ đạo phường để các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ sửa bảo đảm đúng quy định, đúng đối tượng và thời gian theo kế hoạch.

2.2. Công tác chỉ đạo, điều hành

Chỉ đạo các trường học xây dựng phương án thực hiện Kế hoạch; chủ động tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị quyết, Kế hoạch đến toàn thể Nhân dân, giúp cha mẹ học sinh hiểu lợi ích của việc uống sữa hằng ngày, ý nghĩa của Kế hoạch và tự nguyện cho con tham gia uống sữa theo Kế hoạch.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai tại các cơ sở giáo dục. Chỉ đạo các nhà trường thực hiện đầy đủ việc thống kê, theo dõi số lượng học sinh tham gia và tổng hợp báo cáo định kỳ.

3. Kết quả đạt được

3.1. Quy mô, số lượng

Tổng số cơ sở giáo dục tham gia: 06/06 trường

Tổng số trẻ em, học sinh tham gia chương trình: 3502/3515 em, đạt tỷ lệ 99,63%.

Trong đó: Mầm non: 1276/1277 em; Tiểu học: 2226/2238 em

Số trẻ em/ học sinh được hỗ trợ 100%: 68 em

Số trẻ em/ học sinh được hỗ trợ 75%: 3438 em

Số trẻ em không uống sữa do dị ứng với sữa: 09

(Có biểu chi tiết kèm theo)

3.2. Chất lượng

- Chất lượng sữa bảo đảm theo tiêu chuẩn, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được cung ứng đúng thời gian, đúng số lượng.

- Học sinh cơ bản hợp tác tốt, thích uống sữa và duy trì nền nếp uống sữa tại trường.

Sau thời gian triển khai, đa số trẻ em và học sinh có sự cải thiện về thể trạng, sức khỏe, tăng cường dinh dưỡng và nâng cao sức đề kháng.

3.3. Kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện: 2.145.994.468 đồng

Trong đó:

+ Kinh phí từ nguồn ngân sách: 1.443.568.228 đồng

+ Kinh phí thu từ cha mẹ học sinh: 702.426.240 đồng

3.4. Điều kiện triển khai, thực hiện

a. Điều kiện về học sinh

- Các nhà trường đã tổ chức rà soát, thống kê học sinh có tiền sử dị ứng sữa hoặc không đủ điều kiện tham gia.

Thực hiện theo dõi tình trạng sức khỏe của học sinh trước và trong quá trình triển khai chương trình.

Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong việc quản lý và theo dõi sức khỏe học sinh.

b. Điều kiện về đội ngũ tham gia hỗ trợ

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học được phân công nhiệm

vụ cụ thể.

Đội ngũ tham gia triển khai có tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc quy trình tiếp nhận, bảo quản và tổ chức cho học sinh uống sữa.

c. Điều kiện về cơ sở vật chất

Các nhà trường chuẩn bị đầy đủ khu vực bảo quản sữa.

Có giá, kệ, tủ bảo quản sữa bảo đảm vệ sinh và an toàn thực phẩm.

Điều kiện phục vụ học sinh uống sữa cơ bản đáp ứng yêu cầu.

3.5. Công tác tiếp nhận, nghiệm thu, bảo quản và tổ chức cho học sinh uống Sữa

Các cơ sở giáo dục đã phân công cán bộ phụ trách tiếp nhận, kiểm tra số lượng, hạn sử dụng và chất lượng sữa trước khi đưa vào sử dụng.

Việc bảo quản sữa được thực hiện đúng hướng dẫn của đơn vị cung ứng. Công tác tổ chức cho học sinh uống sữa được thực hiện nề nếp, bảo đảm vệ sinh, an toàn và đúng thời gian quy định.

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm

Công tác chỉ đạo triển khai được thực hiện kịp thời, nghiêm túc.

Các nhà trường phối hợp tốt với phụ huynh học sinh và đơn vị cung ứng sữa.

Chương trình nhận được sự đồng thuận cao của phụ huynh và học sinh.

Việc tổ chức thực hiện cơ bản bảo đảm đúng quy trình, đúng đối tượng.

4.2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

**Khó khăn, hạn chế*

Công tác bảo quản, cấp phát tại một số thời điểm trường lẻ còn gặp khó khăn do khoảng cách địa lý với điểm trường chính.

Một học sinh chưa có thói quen uống sữa thường xuyên.

**Nguyên nhân*

Nhận thức của một bộ phận phụ huynh về dinh dưỡng học đường chưa đầy đủ.

Việc phối hợp trong một số thời điểm chưa thật sự đồng bộ.

5. Đề xuất, kiến nghị

5.1. Đối với Sở GDĐT

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai chương trình trong các năm học tiếp theo.

Tăng cường tổ chức tập huấn, kiểm tra và hướng dẫn chuyên môn.

Có cơ chế hỗ trợ kinh phí phù hợp nhằm nâng cao tỷ lệ học sinh tham gia chương trình.

5.2. Đối với đơn vị cung ứng

Bảo đảm chất lượng sữa, cung ứng đúng thời gian và số lượng.

Tăng cường phối hợp với các nhà trường trong công tác giao nhận và xử lý các tình huống phát sinh.

Có chính sách hỗ trợ, tuyên truyền nhằm nâng cao hiệu quả chương trình.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai hỗ trợ sữa theo Kế hoạch số 33/KH-UBND năm học 2025-2026 của UBND phường Cảnh Thụy./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (b/c)
- CT, PCT VHXH phường;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Lưu: VT,

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Khổng Minh Tùng